

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 28-7-2020

V/v: “Tranh chấp tiền mua bán thức ăn
tôm và thuốc thủy sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phương;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp đại lý (mua bán thức ăn tôm, thuốc thủy sản)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2020/QĐ-ST gày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969. (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Là đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Thị S.

Địa chỉ: Cái Đồi N, xã Nguyễn K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lê Trọng K, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quốc K; địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Lê Trọng K có thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản. Ngày 24 tháng 5 năm 2017, ông K nợ đại lý số tiền 114.135.000 đồng, có

biên nhận nợ. Ngày 06/4/2019, ông K nuôi tôm ao bạc, sau khi kết thúc vụ nuôi đối trừ toa vé thì còn nợ lại đại lý 285.000.000 đồng. Ngày 15/6/2019, sau khi kết thúc vụ nuôi tôm, đối trừ toa vé ông K còn nợ lại 114.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2019, ông K và ông K trước đó có hùn hạp làm tôm chung với nhau. Hai bên thỏa thuận đồng ý ông K không hùn hạp nuôi tôm với ông K nữa mà ra đi tay không. Còn về phân ao đầm trang thiết bị ông K được nhận làm, với điều kiện ông K chịu trách nhiệm trả nợ 285.000.000 đồng của ông K cho bà S. Ông K đồng ý và ký nhận nợ, ông K chốt nợ nhận với bà S là 808.135.000 đồng.

Nay ông K không có thực hiện việc trả nợ nên bà S yêu cầu ông K trả nợ 808.135.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Trọng K trình bày:*

Tháng 6/2017, ông K và ông K có hùn làm ăn nuôi tôm ao bạc, phần ông K chịu phần thức ăn và chi phí thức ăn, thuốc thủy sản do bà S phân phối. Phần ông K chịu đất và nhân công. Quá trình làm ăn, ông K và ông K thỏa thuận ông K rút ra không làm chung và ông K đứng ra ký nhận nợ với bà S.

Ông K ký nhận chốt nợ ông K còn nợ lại bà S số tiền 808.135.000 đồng, ông thừa nhận có nợ và đồng ý trả nợ nhưng với điều kiện là bà S phải cho ông K thời gian 02 năm làm ăn sẽ thanh toán dứt điểm cho bà S.

Đối với bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K vắng mặt không lý do.

** Tại phiên tòa:*

- Bà S có đơn xin vắng mặt.
- Ông K, ông K vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà S khởi kiện ông K, yêu cầu thanh toán tiền mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 808.135.000 đồng; khi Thụ lý vụ án, Tòa án xác định là tranh chấp đại lý là chưa phù hợp nên xác định lại đây là “Tranh chấp tiền mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản”, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông K có nơi cư trú tại ấp A, xã M, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và trong vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà S có đơn xin vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà S.

Ông K, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông K, ông K.

[2] Về nội dung

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà S yêu cầu ông K thanh toán tiền mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 808.135.000 đồng. Bà S cung cấp cho Tòa án các biên nhận nợ do ông K ký tên xác nhận; đồng thời, khi Tòa án làm việc, ông K cũng thừa nhận nợ bà S số tiền là 808.135.000 đồng khi mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận có sự việc mua bán thức ăn tôm giữa bà S với ông K và ông K còn nợ bà S số tiền là 808.135.000 đồng. Ông K thừa nhận nợ và đồng ý thanh toán cho bà S nhưng do khó khăn nên ông K đề nghị bà S cho ông thời gian 02 năm để trả hết nợ nên Tòa án không thể ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai đương sự.

Việc ông K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ cho bà S là vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 410, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên buộc ông K phải thanh toán cho bà S số tiền còn nợ 808.135.000 đồng là phù hợp.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông K chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của bà S được chấp nhận toàn bộ nên ông K chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 36.244.050 đồng.

Bà S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 410, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị S kiện ông Lê Trọng K.

Buộc ông Lê Trọng K thanh toán cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 808.135.000 đồng.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông K chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Lê Trọng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 36.244.050 đồng.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, bà Nguyễn Thị S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 18.122.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006954 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh